

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH BẾN TRE**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 20/2019/DS-ST

Ngày 18/6/2019

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng góp hội*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH BẾN TRE

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Thúy Hằng
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
 1. Bà: Nguyễn Thị Mười
 2. Ông: Trần Văn Tiền
- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Ông Đoàn Ngọc Sơn – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:* Bà La Thị Thúy Vi – Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 6 năm 2019 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 220/20118/TLST-DS ngày 17 tháng 12 năm 2018, về việc: “*Tranh chấp hợp đồng góp hội*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2019/QĐXXST-DS ngày 07/5/2019 giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: **Nguyễn Thị Mỹ H**, sinh năm: 1973.

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

+ Bị đơn: - **Huỳnh Thị P**, sinh năm: 1968 .

- **Nguyễn Văn K**, sinh năm: 1968.

Cùng địa chỉ: ấp D, xã E, huyện C, tỉnh Bến Tre.

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: **Đỗ Thanh G**, sinh năm: 1968.

Địa chỉ: ấp Thạnh Hựu, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Mỹ H là người đại diện theo ủy quyền của ông G (*văn bản ủy quyền ngày 24/5/2019*).

Tại phiên tòa hôm nay, bà H có mặt, ông K, bà P vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 27/8/2018 trong quá trình giải quyết vụ án và tại tòa nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Mỹ H trình bày:

Vào năm 2017 và năm 2018, ông K, bà P có tham gia chơi 02 dây hội 5.000.000 đồng/tháng, hội có lãi do bà làm chủ. Cụ thể như sau:

- Dây thứ nhất khai ngày 15/10/2017^{Al}, có 21 hội viên, ông K, bà P vô 01 phần đến tháng thứ hai ông K, bà P bỏ thăm 1.600.000 đồng hốt được số tiền là

67.100.000 đồng và đóng hụi chết đến tháng 3/2018^{Al} thì ngưng không đóng nữa. Như vậy, tính đến ngày mãn hụi ngày 15/6/2019^{Al}, ông K, bà P còn nợ số tiền của bà là 5.000.000 đồng x 15 tháng = 75.000.000 đồng.

- Dây thứ hai khui ngày 10/01/2018^{Al}, có 23 hụi viên, ông K, bà P vô 01 phần và bỏ thăm 1.600.000 đồng hốt đầu được số tiền là 72.300.000 đồng nhưng ông K, bà P chỉ đóng hụi chết đến tháng 3/2018 thì ngưng không đóng nữa. Như vậy, tính đến ngày mãn hụi ngày 10/11/2019^{Al}, ông K, bà P còn nợ số tiền của bà là 5.000.000 đồng x 20 tháng = 100.000.000 đồng.

Do ông K là bạn của chồng bà nên khi chơi hụi, đóng tiền hụi và giao tiền hụi bà nhờ chồng bà là ông G thực hiện việc giao nhận tiền với ông K. Khi nhận tiền hụi bà có làm biên nhận ghi “Giấy giao tiền hụi” do bà viết. Nội dung ghi họ tên bên giao tiền (chủ hụi), bên nhận tiền (hụi viên hốt hụi), địa chỉ của hai bên, số tiền hụi được nhận, số tiền hụi tháng, ngày mở hụi, số phần hụi, kỳ hốt hụi, số tiền bỏ thăm hốt hụi, số phần hụi sống, phần hụi chết và ngày giao tiền, ông K có ký tên vào biên nhận. Việc chơi hụi do ông K thực hiện nhằm mục đích làm ăn chung trong gia đình, bà P vợ ông K cũng biết. Do ông K, bà P không thực hiện nghĩa vụ đóng hụi theo thỏa thuận nên bà khởi kiện yêu cầu ông K, bà P có nghĩa vụ trả cho bà số tiền hụi còn nợ đến thời gian mãn hụi của hai dây hụi trên là 175.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi tiếp.

Bị đơn là ông Nguyễn Văn K và bà Huỳnh Thị P vắng mặt tại tòa nhưng bà P có lời trình bày tại bản tự khai ngày 10/11/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Bà là vợ của ông K, bà không biết việc ông K chơi hụi của bà H. Sau này, ông K không có khả năng đóng hụi cho bà H nên chồng bà H (là bạn ông K) có đến đòi tiền hụi thì bà mới biết. Ông K cũng thừa nhận đã hốt 02 phần hụi 5.000.000 đồng của bà H để làm ăn và lo cho kinh tế gia đình. Do làm ăn thua lỗ nên ông K không có khả năng đóng hụi cho bà H. Chữ ký trong 02 giấy giao tiền hụi do bà H cung cấp là của ông K nhưng ông K còn nợ bà H bao nhiêu tiền bà không biết. Hiện ông K đi làm ăn xa không có ở nhà, bà sẽ tìm mọi cách liên lạc với ông K để thực hiện việc trả nợ cho bà H. Bà đồng ý cùng ông K thanh toán nợ hụi cho bà H nhưng xin trả dần vì hoàn cảnh khó khăn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Đỗ Thanh G trình bày:

Ông chỉ là người trung gian giao tiền hụi khi ông K hốt hụi và đóng hụi hàng tháng cho bà H. Bà H tự tổ chức chơi hụi ông không có tham gia. Do, ông K là bạn của ông nên ông giới thiệu để ông K chơi hụi của bà H nhằm mục đích làm ăn lo cho gia đình. Ông K lợi dụng sự tin tưởng của bạn bè để lừa đảo vợ chồng ông. Ông K không đóng hụi chết cho bà H và cố tình tránh mặt ông. Nay, ông yêu cầu ông K, bà P phải có nghĩa vụ chung trả số tiền hụi còn nợ cho bà H.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471 Bộ luật dân sự; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 30 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 của Chính

phủ về họ, hui, biêu, phường: Chấp nhận yêu cầu của bà H về việc yêu cầu vợ chồng ông K và bà P trả số tiền hui chết còn nợ là 175.000.000 đồng. Ghi nhận bà H không yêu cầu ông K và bà P tính lãi tiếp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe các đương sự phát biểu tranh luận. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai đối với bị đơn là ông Nguyễn Văn K và bà Huỳnh Thị P để đưa vụ án ra xét xử nhưng ông K và bà P vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Bà H khởi kiện yêu cầu ông K và bà P có nghĩa vụ chung trả cho bà số hui còn nợ là 175.000.000 đồng. Xét yêu cầu của nguyên đơn cho thấy đây là vụ kiện: “Tranh chấp hợp đồng góp hui” theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung vụ kiện: Bà H căn cứ vào 02 “Giấy giao tiền hui” khai ngày 15/10/2017^{Al} và ngày 10/01/2018^{Al} có nội dung: Bà Nguyễn Thị Mỹ H có giao cho anh K số tiền 67.100.000 đồng và 72.300.000 đồng có chữ ký ký ghi tên là Nguyễn Văn K kèm theo danh sách hui viên có tên ông K để khởi kiện yêu cầu ông K cùng vợ là bà P có nghĩa vụ chung trả cho bà số tiền hui chết còn nợ từ tháng 3/2018^{AL} đến ngày mãn hui là 175.000.000 đồng. Bà P là vợ ông K cho rằng, bà có biết việc ông K còn nợ 02 phần hui 5.000.000 đồng của bà H, chữ ký trong biên bản giao tiền của bà H cung cấp cho Tòa án là chữ ký của ông K. Bà đồng ý cùng ông K trả nợ hui cho bà H nhưng xin trả dần vì hoàn cảnh khó khăn. Ông K, bà P đã được Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo về việc giao nộp chứng cứ theo quy định của pháp luật nhưng ông K, bà P vắng mặt không lý do và cũng không có cung cấp chứng cứ gì cho Tòa án nên phải chịu hậu quả về việc không giao nộp tài liệu chứng cứ theo quy định tại Điều 96 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Qua ý kiến của bà P và lời trình bày của những người làm chứng có tên trong danh sách tham gia chơi hui cùng với ông K do bà H làm chủ trùng khớp với lời trình bày của bà H. Hội đồng xét xử có cơ sở xác định ông K có tham gia chơi 02 dây hui khai ngày 15/10/2017^{Al} và ngày 10/01/2018^{Al} do bà H làm chủ. Bà H đã thực hiện nghĩa vụ đóng tiền thay cho ông K khi đến hạn để giao cho hui viên khác và hiện nay 02 dây hui này vẫn chưa mãn. Do, ông K nhiều lần vi phạm nghĩa vụ đóng hui chết cho bà H khi đến hạn nên bà H khởi kiện yêu cầu ông K cùng bà P có nghĩa vụ trả số tiền hui còn nợ bà và cho đến khi mãn hui là phù hợp với Điều 30 của Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 về họ hui biêu phường. Cụ thể: Vi phạm nghĩa vụ không đóng tiền hui vào tháng 3/2018^{AL} đến ngày mãn hui của dây hui 175.000.000 đồng (hui khai ngày 15/10/2017^{Al} tính đến ngày mãn hui ngày 15/6/2019^{Al} còn nợ số tiền là 75.000.000 đồng và hui khai

ngày 10/01/2018^{Al} đến ngày mãn hạn ngày 10/11/2019^{Al} còn nợ số tiền 100.000.000 đồng).

[5] Qua xác minh thu thập chứng cứ ở địa phương cho thấy, vợ chồng ông K, bà P là vợ chồng có đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống hòa thuận cùng làm ăn lo cho kinh tế gia đình. Bà P cũng thừa nhận ông K nhận tiền hui của bà H để làm ăn và lo cho kinh tế gia đình do làm ăn thua lỗ nên ông K không có khả năng trả nợ cho bà H. Vì vậy, căn cứ vào Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, buộc ông K và bà P có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho bà H số tiền 175.000.000 đồng là có cơ sở.

[6] Về lãi suất: Bà H không yêu cầu tính lại nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bà H không phải chịu án phí. Ông K, bà P có nghĩa vụ liên đới chịu như sau: 175.000.000 đồng x 5% = 8.750.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ về họ, hui, biểu, phùng. Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Mỹ H về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn K và bà Huỳnh Thị P trả cho bà số tiền hui còn nợ là 175.000.000 đồng.

Buộc ông Nguyễn Văn K và bà Huỳnh Thị P có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Mỹ H số tiền hui còn nợ là 175.000.000 đồng (*một trăm bảy mươi lăm triệu đồng*).

Ghi nhận bà H không yêu cầu ông K, bà P tính lãi số tiền nêu trên đến thời điểm xét xử.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, khi có đơn yêu cầu thi hành án của bà H nếu ông K, bà P chưa trả số tiền như án tuyên thì ngoài việc phải trả số tiền gốc còn phải chịu thêm phần lãi theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành xong.

+ Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Ông Nguyễn Văn K và bà Huỳnh Thị P có nghĩa vụ liên đới chịu số tiền là 8.750.000 đồng (*tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*).

Bà Nguyễn Thị Mỹ H không phải chịu án phí nên được hoàn lại số tiền tạm ứng đã nộp là 4.405.000 đồng (*bốn triệu bốn trăm lẻ năm nghìn đồng*) theo biên

lai số 0020622 ngày 10/12/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các đương sự có mặt tại tòa có quyền kháng cáo, đối với các đương sự vắng mặt tại tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại UBND xã nơi cư trú của các đương sự vắng mặt để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- **TAND T. Bến Tre;**
- **VKS H. Châu Thành;**
- **THADS H. Châu Thành;**
- **Các đương sự;**
- **Lưu.**

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Lê Thị Thúy Hằng